TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **120**/2024/HSST Ngày: 26/12/2024	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiều và bà Nguyễn Thị Sen

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Đan Phượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Phương, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 102/2024/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXX ngày 04/12/2024 và Quyết định hoãn phiên Toà số 32/QĐH-PT ngày 18/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Cao Phi T,** sinh năm 1985 ; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Số 4, xóm Đoàn Kết, cụm 4, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá:12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Cao Văn Triều, sinh năm 1954; Con bà: Phạm Thị Kính, sinh năm 1962; Có vợ là: Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1995; Có 02 con, Lớn SN 2013, nhỏ SN 2015.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 076 lập ngày 06/3/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/2/2024 đến ngày 5/3/2024. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trọng N,** sinh năm 1979; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Số nhà 75A Đê La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Trọng Thảo, sinh năm 1957; Con bà: Nguyễn Thị Thành, sinh năm 1958; Có vợ là Nguyễn Thị Ninh, sinh năm 1980; Có 03 con, lớn SN 2000, nhỏ SN 2012.

Tiền án: Ngày 21/3/2022 Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc (chấp hành xong hình phạt ngày 21/9/2023).

Tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 074 lập ngày 06/3/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/2/2024 đến ngày 02/3/2024, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q,** sinh năm 1988; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1965; Con bà: Nguyễn Thị Trường, sinh năm 1966; Có 03 con, Lớn SN 2011, nhỏ SN 2015.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 26/9/2008 bị Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc.

+ Ngày 15/1/2009 bị Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng.

+ Ngày 12/1/2018 Bị Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc.

+ Ngày 31/5/2019 bị Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc

Danh chỉ bản số 145 lập ngày 30/6/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/06/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đan Phượng. Có mặt tại phiên Toà.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn L,** sinh năm 1982; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Cụm 4, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Chính, sinh năm 1949; Con bà: Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1949; Có vợ là: Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1985. Có 02 con, Lớn SN 2005, nhỏ SN 2007.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 29/12/2008 bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng 24 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 17 tháng 18 ngày về tội Đanh bạc.

Danh chỉ bản số 071 lập ngày 06/3/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/02/2024 đến ngày 02/3/2024, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

5. Họ và tên: **Đinh Văn Đ,** sinh năm 1972; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Đinh Văn Đính, sinh năm 1935; Con bà: Nguyễn Thị Chung, sinh năm 1945; Có vợ là Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1976; Có 02 con, lớn SN 1999, nhỏ SN 2001.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 28/8/2009 bị Công an huyện Đan Phượng xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc.

Danh chỉ bản số 335 lập ngày 08/10/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

6. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn K,** sinh năm 1985; Giới tính: A; Nơi ĐKHKTT và ở: Thôn Đng Lai, xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Kiệt, sinh năm 1948; Con bà: Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1948; Có vợ là: Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1990; Có 02 con, lớn SN 2013, nhỏ SN 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 081 lập ngày 08/03/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

7. Họ và tên: **Trần Văn C,** sinh năm 1986; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Số 40, xóm Chùa, cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn Độ (đã chết); Con bà: Cao Thị Minh, sinh năm 1966; Có vợ là Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1991; Có 03 con, lớn SN 2010, nhỏ SN 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 082 lập ngày 08/3/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

8. Họ và tên: **Đỗ Ngọc D,** sinh năm 1985; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Số 21, xóm Giữa, thôn Đng Lai, xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Đỗ Ngọc Thình, sinh năm 1950; Con bà: Nguyễn Thị Tuấn, sinh năm 1956; Có vợ là Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1991; Có 02 con, lớn SN 2019, nhỏ SN 2022.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 075 lập ngày 06/3/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/2/2024 đến ngày 02/3/2024, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

9. Họ và tên: **Nguyễn Văn B,** sinh năm 1981; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Được; Con bà: Nguyễn Thị Chất, sinh năm 1959; Có 02 con, lớn SN 2003, nhỏ SN 2008.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 282 lập ngày 28/8/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt bị cáo để tạm giam từ ngày 28/8/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên Toà.

10. Họ và tên: **Nguyễn Văn S,** sinh năm 1987; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Cụm 4, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Thi, sinh năm 1961; Con bà: Đỗ Thị Tuất, sinh năm 1959; Có vợ là: Nguyễn Thị Bích Hường (đã ly hôn); Có 02 con, lớn SN 2011, nhỏ SN 2013.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 083 lập ngày 08/3/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

11. Họ và tên: **Nguyễn Văn L,** sinh năm 1985; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Số 10, đường Nại Sa, thôn 9, xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn Tác, sinh năm 1959; Con bà: Kim Thị Mai, sinh năm 1959; Có vợ là: Đỗ Thị Thê, sinh năm 1985; Có 03 con, lớn SN 2006, nhỏ SN 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 073 lập ngày 06/3/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/2/2024 đến ngày 02/3/2024, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

12. Họ và tên: **Nguyễn Văn A,** sinh năm 1979; Giới tính: A; ĐKHKTT và ở: Cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt A; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Xuân Sửu, sinh năm 1949; Con bà: Nguyễn Thị Thịnh, sinh năm 1949; Có vợ là: Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1983; Có 03 con, lớn SN 2001, nhỏ SN 2008.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 072 lập ngày 03/3/2024 tại Công an huyện Đan Phượng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/2/2024 đến ngày 02/3/2024, hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên Toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 28/02/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng phát hiện, bắt quả tang tại phòng khách nhà ở của Cao Phi T tại ngõ Phú Đình, thôn Thượng Trì, xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội 02 chiếu đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức chơi Chắn. Lợi dụng sơ hở của Cơ quan điều tra trong quá trình bắt giữ, một số đối tượng tham gia đánh bạc đã chạy thoát. Tại thời điểm bắt giữ, 02 chiếu đánh bạc. Cụ thể:

- Chiếu bạc thứ nhất tham gia đánh bạc gồm có Cao Phi T (sinh năm 1985; trú tại cụm 4, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội), Nguyễn Trọng

N (sinh năm 1979; trú tại số nhà 75A Đê La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội), Nguyễn Văn L (sinh năm 1982; trú tại cụm 4, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội) và Đỗ Ngọc D (sinh năm 1985; trú tại thôn Đng Lai, xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, Hà Nội). Cơ quan điều tra đã thu giữ trên người Cao Phi T số tiền 3.760.000 đồng; thu giữ tại vị trí ngồi của Nguyễn Văn L số tiền 5.350.000 đồng; thu giữ tại vị trí ngồi của D có số tiền 5.000.000 đồng; 02 bộ bài chắn 100 C và 01 đĩa sứ.

- Chiếu bạc thứ hai khi bắt giữ chỉ có Trần Văn C (sinh năm 1986; trú tại cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội) và Nguyễn Văn L (sinh năm 1985; trú tại thôn 9, xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, Hà Nội) đang ngồi. Cơ quan điều tra đã thu giữ tại chỗ ngồi của Trần Văn C số tiền 9.620.000 đồng; thu giữ dưới chiếu 02 bộ bài chắn 100 C và 02 đĩa sứ.

Ngoài ra, tại thời điểm bị Cơ quan điều tra bắt giữ, trong phòng khách nhà Cao Phi T còn có Đinh Văn Đ (sinh năm 1972; trú tại cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội), Nguyễn Văn A (sinh năm 1979; trú tại cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội), và anh Phạm Văn Chính (sinh năm 1979; trú tại đường Thắng Lợi, thuộc Làng nghề xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội). Sau khi bắt giữ, Cơ quan điều tra đã lập biên bản, niêm phong vật chứng đồng thời đưa tất cả đối tượng về trụ sở Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, làm rõ.

Trong các ngày 06/3/2024 và 27/6/2024, các đối tượng gồm Nguyễn Văn Q (sinh năm 1988; trú tại cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội), Nguyễn Tuấn K (sinh năm 1985; trú tại thôn Đng Lai, xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, Hà Nội) và Nguyễn Văn S (sinh năm 1987; trú tại cụm 4, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội) đều là những đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà Cao Phi T vào ngày 28/02/2024 đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng đầu thú; Nguyễn Văn S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 300.000 đồng, là tiền đánh bạc S cầm theo khi bỏ chạy.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 28/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn Thúy (sinh năm 1981; trú tại cụm 3, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội) để điều tra về hành vi Đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 10 giờ ngày 28/02/2024, Cao Phi T gặp Đỗ Ngọc D tại quán phở ở Thượng Thôn, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, Hà Nội, T rủ D về nhà T đánh bạc, D đồng ý. T gọi điện cho Nguyễn

Văn Thúy và Đinh Văn Đ rủ đến nhà T để đánh bạc, Thúy và Đ đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày T, D, Thúy và Đ về nhà T thì Nguyễn Văn Q cũng tự đi đến nhà T để đánh bạc. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T lấy ở trong nhà 02 bộ bài Chắn cùng 01 chiếc đĩa sứ ngồi bên cạnh chia bài cho Q, Đ, Thúy và D ngồi đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh chắn. Khi bắt đầu chơi, Q bỏ ra số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc; Đ bỏ ra số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc; Thúy bỏ ra số tiền 2.600.000 đồng để đánh bạc; D bỏ ra số tiền 2.860.000 đồng để đánh bạc. Cả nhóm ngồi đánh bạc được khoảng 01 tiếng thì Nguyễn Văn A đến nhà T và ngồi xem đánh bạc.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, các đối tượng Nguyễn Văn N, Trần Văn C, Nguyễn Tuấn K, Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn L lần lượt đến nhà T. Lúc này, T bảo lập chiếu đánh bạc thứ hai để đánh bạc thì Nguyễn Văn B không đánh bạc với chiếu thứ nhất nữa mà chuyển sang chơi ở chiếu thứ hai, đồng thời Nguyễn Trọng N thay thế vào chỗ Thúy và bỏ ra số tiền 680.000 đồng để đánh bạc với Nguyễn Văn Q, Đinh Văn Đ và Đỗ Ngọc D. Còn Nguyễn Văn B cầm theo số tiền 1.900.000 đồng ngồi đánh bạc với Trần Văn C, Nguyễn Văn S và Nguyễn Tuấn K. Khi bắt đầu chơi, C bỏ ra 3.000.000 đồng; K bỏ ra 3.800.000 đồng; S bỏ ra 1.800.000 đồng để đánh bạc, T lấy 02 bộ bài chắn cùng 02 đĩa sứ để Nguyễn Văn A chia bài cho chiếu thứ hai đánh bạc. Chia bài được khoảng 05 ván thì Nguyễn Văn L ngồi xuống, thay A chia bài cho cả nhóm đánh bạc. Đối với Đinh Văn Đ, ngồi chơi ở chiếu thứ nhất đến 14 giờ cùng ngày thì Đ hết tiền; Đ không chơi nữa thì Nguyễn Văn L vào thay chỗ của Đ; L bỏ ra số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc với Nguyễn Trọng N, Nguyễn Văn Q và Đỗ Ngọc D.

Về cách thức chơi Chắn: Trong một ván thì mức đặt cược thấp nhất của một người là 40.000 đồng. Quy ước tính tiền là ù suông 60.000 đồng, dịch 20.000 đồng, ù tôm 100.000 đồng, ù lèo 120.000 đồng ù gà (có cước sắc) 200.000 đồng. Nếu ai ù gà (có cước sắc, tám đỏ, bạch định, trì bạch thủ) thì sẽ bỏ ra bên ngoài chiếu 40.000 đồng cho T gọi là tiền hồ, phế.

Kết quả điều tra xác định số tiền đánh bạc tại chiếu bạc thứ nhất gồm: Nguyễn Trọng N (bỏ ra 680.000 đồng và bị thua hết); Nguyễn Văn Q (bỏ ra 3.000.000 đồng đánh bạc, khi bỏ chạy rơi hết tiền); Nguyễn Văn L (bỏ ra 4.000.000 đồng, thắng 1.350.000 đồng = 5.350.000 đồng); Đinh Văn Đ (bỏ ra 2.000.000 đồng và bị thua hết) và Đỗ Ngọc D (bỏ ra 2.860.000 đồng, thắng 2.140.000 đồng = 5.000.000 đồng). Tổng số tiền đánh bạc là 13.240.000 đồng. Cao Phi T là người chia bài cho các đối tượng chơi ở chiếu thứ nhất.

Ban đầu, khi Đ đánh bạc với Q, D, B thì tổng số tiền dùng để đánh bạc là 10.460.000 đồng; khi N thay Thúy thì tổng số tiền dùng để đánh bạc tại chiếu bạc của Đ là 9.240.000 đồng. Chiếu bạc thứ hai gồm: Trần Văn C (bỏ ra 3.000.000 đồng, thắng 6.620.000 đồng = 9.620.000 đồng); Nguyễn Tuấn K (bỏ ra 3.800.000 đồng, khi bỏ chạy rơi hết tiền); Nguyễn Văn S (bỏ ra 1.800.000 đồng, khi bỏ chạy trên người còn 300.000 đồng) và Nguyễn Văn Thúy (bỏ ra 1.900.000 đồng, khi bỏ chạy rơi hết tiền). Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn L là người chia bài cho các đối tượng ở chiếu thứ 02 đánh bạc. Tổng số tiền đánh bạc là 10.500.000 đồng, tiền rơi của Thúy và K là 580.000 đồng. Số tiền T được hưởng lợi từ thu hồ phế là 400.000 đồng còn 3.360.000 đồng thu giữ trong người T là tiền T dùng để chi tiêu cá nhân không dùng đến đánh bạc.

Tại Bản cáo trạng số 102/CT-VKS ngày 12/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng quyết định truy tố bị cáo Cao Phi T về tội "*Tổ chức đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L, Đinh Văn Đ, Nguyễn Tuấn K, Trần Văn C, Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, TP Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án như sau:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Cao Phi T mức án từ 18 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 đến 40 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 ; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Trọng N mức án từ 15 đến 18 tháng tù giam.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn Q mức án từ 09 đến 12 tháng tù giam.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn B mức án từ 6 đến 8 tháng tù giam.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn L mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 đến 24 tháng. Xử phạt Đinh Văn Đ mức án từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 18 đến 24 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Tuấn K, Trần Văn C, Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn S mức án từ 7 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 14 đến 18 tháng. Xử phạt Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A mức án từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 đến 16 tháng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 47 BLHS và điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 04 bộ bài chắn; 03 đĩa sứ.

+ Tịch thu sung công 20.670.000 đồng.

+ Phạt sung công đối với Cao Phi T số tiền 3.360.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đan Phượng, TP Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, TP Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, cùng vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 28/2/2024, Cao Phi T có hành vi rủ rê, lôi kéo, chuẩn bị công cụ (04 bộ bài chắn 100 C và 03 đĩa sứ) cho các đối tượng đến nhà của mình đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh

Chắn. Gồm 02 chiếu bạc, qua đó thu lời số tiền là 400.000 đồng. Cụ thể từng chiếu bạc: Chiếu thứ nhất gồm: Nguyễn Trọng N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L, Đinh Văn Đ và Đỗ Ngọc D đánh bạc còn Cao Phi T là người chia bài cho các đối tượng đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng đánh bạc là 13.240.000 đồng. Nguyễn Văn Đ tham đánh bạc trước khi Nguyễn Văn L tham gia nên xác định số tiền đánh bạc của Đ là 10.460.000 đồng. Chiếu thứ hai gồm: Nguyễn Văn Thúy**,** Trần Văn C, Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Văn S đánh bạc, còn Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn L là người chia bài cho các đối tượng đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng đánh bạc là 10.500.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Cao Phi T đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L, Đinh Văn Đ, Nguyễn Tuấn K, Trần Văn C, Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A đủ yếu tố cấu thành tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về hành vi như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Trọng N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Cao Phi T lần đầu phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51. Các bị cáo Nguyễn Tuấn K, Trần Văn C, Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn A lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Cao Phi T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn S, Nguyễn Tuấn K sau khi cơ quan cảnh sát điều tra phát hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú; bị cáo Nguyễn Văn L gia đình là người có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Văn L gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Đ lần đầu bị đưa ra xét xử nên

còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Đánh giá tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, xâm hại tới đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng chống các tệ nạn xã hội mà còn là N nhân của các tội phạm khác, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình và bản thân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Cao Phi T là người khởi xướng, rủ một số bị cáo khác và tổ chức cho các bị cáo đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo Nguyễn Trọng N tái phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo T; Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L, Đinh Văn Đ có nhân thân xấu nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Còn các bị cáo khác cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng mức hình phạt tương xứng với các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Trọng Nguyện lần phạm tội này là tái phạm; Bị cáo Nguyễn Văn B gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố; Bị cáo Nguyễn Văn Q nhân thân rất xấu nên cần phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Cao Phi T, Nguyễn Văn L, Đinh Văn Đ, Nguyễn Tuấn K, Trần Văn C, Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên Toà các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và có nơi cư trú rõ ràng, có các tình tiết giảm nhẹ như đã viện dẫn ở trên. Các bị cáo T, L, K, C, D, S, L, A chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo Trần Văn C mắc bệnh thận mãn tính giao đoạn 5 cần tiếp tục điều trị. Do đó, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Xét các bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng: 04 bộ bài chắn đã qua sử dụng, 03 đĩa sứ đã qua sử dụng là tang vật của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ. Đối với số tiền 24.030.000 đồng, trong đó có số tiền 20.670.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và thu lời bất chính nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền 3.360.000 đồng thu của bị cáo Cao Phi T là số tiền bị cáo để trong Ki quần, không sử dụng để đánh bạc nhưng bị cáo tự nguyện nộp để sung công nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[7] Về dân sự: Không

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Cao Phi T phạm tội "*Tổ chức đánh bạc*"; Các bị cáo Nguyễn Trọng N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn L, Đinh Văn Đ, Nguyễn Tuấn K, Trần Văn C, Đỗ Ngọc D, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A phạm tội "*Đánh bạc*";

- Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự :

Xử phạt bị cáo **Cao Phi T 17 (***mười bảy***)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 34 (*ba mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng N 10 (***mười***)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/2/2024 đến ngày 02/3/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự :

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q 09** (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự :

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B 06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự :

+ Xử phạt bị cáo **Đinh Văn Đ 09** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L 10 (***mười)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự :

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn K 09** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S 07** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự :

+ Xử phạt bị cáo **Đỗ Ngọc D 08** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Trần Văn C 08** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Cao Phi T, Nguyễn Văn L, Đinh Văn Đ, Trần Văn C, Nguyễn Văn S cho Uỷ ban nhân dân xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Giao các bị cáo Nguyễn Tuấn K, Đỗ Ngọc D cho Uỷ ban nhân dân xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách của Bản án. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở Ln, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự :

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn A 07** tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao quản lý đối với người bị kết án nhân được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho Uỷ ban nhân dân xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành

cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự :

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L 07** tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao quản lý đối với người bị kết án nhân được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Uỷ ban nhân dân xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 24.030.000 đồng (*Hai mươi tư triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*).

(Số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.1052757.00000 ngày 24 tháng 12 năm 2024).

- Tịch thu tiêu huỷ 04 bộ bài chắn, 03 đĩa sứ đã qua sử dụng.

(Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24 tháng 12 năm 2024.

3. Về dân sự: không

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo mỗi người phải nộp **200.000** đồng (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; NLQ;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND h. Đan Phượng;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an H. Đan Phượng;
- Chi cục THADS H. Đan Phượng;
- Lưu HS – VP

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**